TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27/3/2019.
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Cẩm Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- **Thư ký phiên toà**: Ông Phạm Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 36/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị KO,** sinh năm 1996 (Có mặt);

Địa chỉ: Số nhà X, phố BM, khu Y, thị trấn GL, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1994 (Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi ĐKHKTT: Thôn LX, xã GT, huyện GL, tỉnh Hải Dương;

Hiện đang giam tại Trại giam TC, địa chỉ: Xã CT, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2019, bản tự khai, Biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị KO trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T quen biết nhau qua bạn bè giới thiệu. Trong thời gian quen biết nhau, chị KO đã biết anh T nghiện ma túy, chị có khuyên can, anh T đã hứa là sẽ cai nghiện. Khi biết chị và anh T quen biết nhau, gia đình chị đã phản đối và ngăn cản nhưng do chị có thai trước hôn nhân nên gia đình chị đã đồng ý

cho anh chị kết hôn. Chị và anh T đã đăng ký kết hôn tại UBND xã GT, huyện GL, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/02/2017. Sau khi kết hôn, chị vừa ở nhà chồng vừa ở nhà đẻ. Khi đó chị còn đang đi học còn anh T không có nghề nghiệp, thu nhập nên hai bên gia đình hai bên vẫn phải hỗ trợ cho anh chị mà chủ yếu là gia đình chị. Sau khi cưới anh T vẫn sử dụng ma túy, không có trách nhiệm gì với chị do đó sau khi sinh con, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở để gia đình nhà bố mẹ đẻ nuôi hai mẹ con. Chị đã nhiều lần khuyên anh T cai nghiện ma túy, tìm việc làm kiếm thu nhập nuôi hai mẹ con nhưng anh T không nghe theo mà vẫn sử dụng ma túy, không chịu đi làm. Chị đã cho anh T rất nhiều cơ hội để anh T thay đổi nhưng anh T không có tiến bộ gì. Nay anh T phạm tội và bị TAND huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt 39 tháng tù giam và hiện đang chấp hành án tại Trại giam TC, địa chỉ: Xã CT, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa, do vậy cuộc sống hôn nhân của chị không đạt được. Để đảm bảo cho cuộc sống của hai mẹ con, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để chị có thời gian, tâm trí chăm sóc cho con.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có một con chung là Nguyễn Phan HĐ, sinh ngày 07/7/2017. Con chung sống cùng với chị từ khi sinh ra đến nay. Do con chung vẫn còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ, mặt khác anh T đang phải chấp hành án phạt tù, không có khả năng nuôi dưỡng con nên chị đề nghị Tòa án giao con cho chị nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, về công sức đóng góp với gia đình hai bên: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị KO, sinh năm 1996 được tự do, tự nguyện tìm hiểu nhau trong thời gian 03 năm, từ năm 2014 và đến năm 2017 thì kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã GT, huyện GL vào ngày 06/02/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình anh tại thôn LX, xã GT, huyện GL và ở cùng với mẹ anh. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Bản thân anh nghiện ma túy từ năm 2012. Trước khi kết hôn, anh cũng đã đi cải tạo một lần về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Sau khi kết hôn anh nghiện ma túy lại và đến tháng 7/2018 anh phạm tội Cướp giật tài sản và bị TAND huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt 39 tháng tù giam và hiện đang chấp hành án tại Trại giam TC, địa chỉ: Xã CT, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa. Trong thời gian anh bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi – Công an tỉnh Hải Dương chị KO có đến thăm gặp và đề xuất việc ly hôn anh. Khi đó anh nói với chị KO là anh không muốn ly hôn, chị KO cứ ở nhà nuôi con cho tốt, nếu chị KO cương quyết muốn ly hôn anh thì tùy chị KO quyết định. Sau đó khi đi thi hành án thì anh được chuyển đến Trại giam Thanh Cẩm. Nay chị KO làm đơn khởi kiện muốn ly hôn anh, quan điểm của anh là không nhất trí ly hôn chị KO vì tình cảm của anh với chị KO vẫn còn. Nếu chị

KO vẫn cương quyết xin ly hôn anh vì anh đang chấp hành án phạt tù, không có trách nhiệm với gia đình nên đề nghị Tòa án theo đơn đề nghị của chị KO và căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Anh xác định anh và chị KO có hai con chung như chị KO trình bày. Trước khi phạm tội, vợ chồng anh cùng nhau nuôi con. Nếu như phải ly hôn, anh nhất trí để chị KO nuôi dưỡng con chung do con chung vẫn còn nhỏ, bản thân anh lại đang chấp hành án phạt tù, không có điều kiện nuôi dưỡng con chung. Anh sẽ đóng góp vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng con sau khi anh chấp hành án phạt tù và có việc làm.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên, Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh T đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam TC, địa chỉ: Xã CT, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa, không thể đến Tòa án để tham gia tố tụng được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong tất cả các giai đoạn của vụ án. Anh xác định đã được Tòa án thông báo và được tống đạt các tài liệu gồm: Bản photo Đơn khởi kiện của chị KO, các tài liệu gửi kèm theo đơn khởi kiện, Thông báo về việc thụ lý vụ án; nghe Tòa án công bố bản tự khai của chị KO trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án của chị KO. Vì đang chấp hành án phạt tù, nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và cũng không tiến hành hòa giải cho anh và chị KO. Anh đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo đơn khởi kiện của chị KO.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa xác định Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị KO, cho chị KO được ly hôn anh T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phan HĐ sinh ngày 07/7/2017 cho chị KO nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện chị KO không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về án phí: Chị KO chịu 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem

xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc nhận định:

[1] Về Tố tụng*:* Bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong tất cả các giai đoạn tố tụng của vụ án nên căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị KO có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn T. Đây là vụ án "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị KO và anh Nguyễn Văn T xác lập quan hệ hôn nhân vào ngày 06/02/2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã GT, huyện GL, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T chơi bời, nghiện ma túy, không có trách nhiệm với vợ con, gia đình. Hơn nữa anh T còn phạm tội hiện đang chấp hành án tại Trại giam TC, địa chỉ: Xã CT, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa nên anh T chị KO không sống cùng nhau, do vậy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Tòa án đã tiến hành xác minh theo đơn đề nghị của chị KO về mối quan hệ hôn nhân giữa chị KO và anh T tại UBND xã GT, huyện GL cũng như tiến hành lấy lời khai của mẹ đẻ anh T là bà Phạm Thị T1 và mẹ đẻ chị KO là bà Bùi Thị M, đều xác định cuộc sống của anh T, chị KO không có hạnh phúc nguyên nhân do anh T chơi bời, nghiện ma túy, không có trách nhiệm với vợ con, gia đình. Chị KO và con đều phải nhờ gia đình chị KO cưu mang, giúp đỡ.

HĐXX xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị KO và anh T trong nhiều năm không có hạnh phúc. Anh T chơi bời, nghiện ma túy, có hành vi phạm tội và đang phải thi hành án phạt tù tại Trại giam TC, địa chỉ: Xã CT, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được, cố níu kéo cuộc sống chung giữa hai người cũng chỉ gây thêm mâu thuẫn. Do vậy, chị KO xin ly hôn anh T là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 56- Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị KO xin ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[4] Về nuôi con chung: Chị KO và anh T có một con chung là Nguyễn Phan HĐ, sinh ngày 07/7/2017. Cháu HĐ ở cùng với chị KO và do chị KO cùng gia đình chị KO chăm sóc từ khi sinh ra đến nay. Mặt khác, do anh T đang phải thi hành án phạt tù, không có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị KO về việc giao con chung là Nguyễn Phan HĐ, sinh ngày 07/7/2017 cho chị KO tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị KO không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 - Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị KO phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí số 97 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị KO.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị KO ly hôn anh Nguyễn Văn T;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị KO tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phan HĐ, sinh ngày 07/7/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị KO không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị KO phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003571 ngày 14/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị KO đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/3/2019). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Các đương sự;
- UBND xã GT để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trịnh Cẩm Vân